

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2019.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và ông Giàng A Dơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng A Tăng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2019/TLST- HN&GD ngày 20 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**; năm sinh: 1996; Địa chỉ: Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn H**, sinh năm 1988, Địa chỉ: Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đề ngày 13/8/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Lò Thị T và anh Lò Văn H trình bày:

Về hôn nhân:

Chị Lò Thị T khai: Chị và anh Lò Văn H sống như vợ chồng từ năm 2013 đến ngày 18/3/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống chị T, anh H sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau; cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đã sống ly thân anh H từ tháng 02/2018 đến nay và chị T yêu cầu giải quyết ly hôn cho chị.

Anh Lò Văn H khai: Anh Lò Văn H và chị Lò Thị T sống như vợ chồng từ năm 2013 đến ngày 18/3/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Anh chị sống hạnh

phúc từ năm 2013 đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H uống rượu say về nhà có đánh chị T một lần, nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Từ khi chị T bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ, giữa anh chị không ai quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc liên lạc gì với nhau, do hai vợ chồng đều đi làm thuê. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng.

Về con chung:

Chị Lò Thị T khai: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn H có một người con chung cháu Lò Văn P, sinh ngày 03/02/2013. Hiện nay chị T đang nuôi dưỡng cháu P. Khi ly hôn chị Lò Thị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Văn P. Chị T đang làm thuê cho Công ty Điện tử Sam sung có thu nhập từ 10.000.000đ đến 12.000.000/tháng, nên chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn H không nhất trí ly hôn, nên không yêu cầu giải quyết giao nuôi con.

Anh Lò Văn H khai: anh và chị Lò Thị T có một người con chung cháu Lò Văn P, sinh ngày 03/02/2013. Nếu chị T cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết ly hôn; anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Văn P. Không yêu cầu chị Lò Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị và kháng nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lò Văn H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh H. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh H tại phiên tòa.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/2014 của UBND xã Quài Tở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn H là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn H khai về nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, khi say rượu anh H có đánh chị T, nên anh chị đã sống ly thân. Lời khai của anh, chị phù hợp với biên bản xác minh ngày 10/9/2019 của Tòa án. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn, anh Lò Văn H không nhất trí ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Lò Thị T về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; lời khai của Lò Văn H trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng mâu thuẫn gia đình anh chị chưa đến mức trầm trọng là không có cơ sở; bởi thực tế anh chị đều thống nhất đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh H, vợ chồng không còn yêu T, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị T, anh H đã trầm trọng, anh chị không chung sống hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi thụ lý vụ án dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải được vì anh Lò Văn H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chị Lò Thị T, anh Lò Văn H đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai; căn cứ tình trạng hôn nhân, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T.

[4] Về con chung: Chị Lò Thị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Văn P, sinh ngày 03/02/2013 sau ly hôn và chưa yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T có thu nhập từ 10.000.000đ đến 12.000.000/tháng, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, nên yêu cầu về nuôi con của chị Lò Thị T phù hợp với khả năng kinh tế của chị T. Mặt khác, cháu P đang sống ổn định với chị T, để tránh làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu P. Căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Lò Thị T.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 9, 51, 54, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 28, 35, 39, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung:

Chị Lò Thị T có nghĩa vụ, quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là cháu Lò Văn P, sinh ngày 03/02/2013 đến tuổi trưởng thành. Chưa yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/10/2019). Anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương